

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày 24- 01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tập và bà Vũ Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị N** (tên gọi khác: Không) sinh ngày 10 tháng 02 năm 1967 tại HB, thành phố Hải Phòng. Nơi đăng ký HKTT: số 16, ngõ 52, phố Nguyễn Tường Loan, phường NX, quận LC, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: số 1, ngõ 38, phố Trần Khánh Dư, phường QY, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Tạ Thị C, sinh năm 1933; có chồng: Nguyễn Như T, sinh năm 1965 và 01 con sinh năm 1988; nhân thân: ngày 04/8/1999, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Tổ chức đánh bạc”; ngày 07/11/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tiền án: ngày 26/5/2000, bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 02 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt là 12 năm tù; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 09/11/2017, tạm giam từ ngày 09/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng :

1. Anh Nguyễn Hữu D; sinh năm 1984; nơi cư trú: khu 7, phường BS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 3, khu 7, phường TS,

thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị Trần Thị Kim T; sinh năm 1994; nơi cư trú: phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt.

Người chứng kiến: Bà Phùng Thị Lệ H; sinh năm 1952; nơi cư trú: tổ 6, khu 1, phường TV, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian cuối tháng 10/2017, Công an thành phố UB nhận được nhiều thông tin của quần chúng nhân dân cung cấp về việc: Trong khoảng thời gian này tại khu vực xung quanh cây xăng XL, thuộc phường TV, thành phố UB có một đối tượng phụ nữ khoảng 40 đến 50 tuổi có dấu hiệu mua bán trái phép chất ma túy. Để xác minh thông tin trên, khoảng 16 giờ 45 phút ngày 03/11/2017, hai đồng chí trinh sát của Công an thành phố UB là Lưu Thanh H và Đinh Văn H đã đi xe taxi biển số 14A-094.27 do anh Nguyễn Hữu D (sinh năm 1984; trú tại xã TQ, huyện KM, tỉnh Hải Dương) điều khiển của hãng xe PB đến dừng đỗ cách cây xăng XL khoảng 200m. Khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày thì Lê Thị N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 88L1-138.90 đến gần, rồi dừng xe, gõ cửa kính xe ô tô taxi của hai đồng chí công an, anh D thấy vậy đã hạ cửa kính xe ô tô xuống, lúc này, trên tay N có cầm một túi nilon màu trắng có chứa chất tinh thể màu trắng. Hai đồng chí công an yêu cầu kiểm tra thì N vứt túi nilon trên vào bên trong mặt sàn xe để chân bên ghế phụ. Sau đó, Cơ quan điều tra đã tiến hành bắt quả tang hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của N, thu giữ tại mặt sàn xe để chân bên ghế phụ của xe ô tô taxi biển số 14A-094.27 một túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, N khai là ma túy đá của N tàng trữ để sử dụng. Tiếp tục kiểm tra phát hiện và thu giữ tại vị trí dưới cốp gần cục ắc quy xe mô tô N điều khiển 01 vỏ bao thuốc lá màu vàng cuộn trong, bên ngoài cuốn băng dính màu đen, bên trong vỏ bao thuốc lá có 01 túi nilon màu trắng kích thước (4x6)cm, 40 túi nilon màu trắng hình vuông kích thước (1,5x1,5)cm. Ngoài ra, Công an còn tạm giữ của N xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 88L1-138.90; một điện thoại di động Nokia màu xanh đen, lắp sim số 0167.203.9989; một điện thoại di động Nokia vỏ nhựa màu đen gắn sim số 0167.910.5617; và tiền mặt 2.843.000đ (hai triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Quá trình bắt quả tang Lê Thị N, có sự chứng kiến của anh Nguyễn Hữu D và anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1991; trú tại phường HA, thị xã QY, Quảng Ninh).

Kết luận giám định số 718/GĐMT ngày 06/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: chất tinh thể màu trắng ghi thu của Lê Thị N là ma túy loại Methamphetamine, trọng lượng 4,9g (*bốn phẩy chín gam*).

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị N khai nhận: do bản thân nghiện ma túy đá, ngày 01/11/2017, N về Hải Phòng chơi, khi đi qua khu vực đường tàu thuộc khu Cát Dài, quận LC, N gặp và mua của một người phụ nữ không quen biết 01 gói ma túy đá để mang về nhà sử dụng cho bản thân với giá 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*). N mang số ma túy này về nhà ở QY để cất giấu và tự sử dụng

một ít. Chiều 03/11/2017, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 88L1-138.90 để về nhà bố mẹ ở Hải Phòng, trước khi đi, N mang theo gói ma túy trên. Trên đường đi, N nhận được điện thoại của người thanh niên tên P (quen được khoảng vài tháng, không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể), hỏi N có ma túy không để cho P xin một ít. N đồng ý, P nói hẹn nhau ở cây xăng XL, P đi xe taxi PB đợi ở gần đó. N điều khiển xe đến chỗ hẹn thì thấy có xe taxi PB đỗ gần đó nên cầm gói ma túy ở trên tay đến gõ cửa hỏi. Khi cửa xe mở, nhận thấy không phải là anh P và những người ở trên xe bảo là công an nên N hoảng sợ, ném túi ma túy vào trong xe. Lực lượng công an sau đó đã tiến hành bắt quả tang, thu giữ vật chứng đối với N.

Đối với P là người mà bị cáo Lê Thị N khai đã xin ma túy của N để sử dụng, quá trình điều tra không làm rõ được lai lịch, nên không có cơ sở xem xét xử lý.

Tại Cáo trạng số 07/KSĐT-HS ngày 29-12-2017, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố Lê Thị N về tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**, theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đúng như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lê Thị N theo bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị N từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 03/11/2017.

- Áp dụng điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tuyên:

- + Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 718/GĐMT bên trong có 4,81g mẫu vật của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (04x06)cm và 40 túi nilon màu trắng kích thước (1,5x1,5)cm.

- + Trả lại bị cáo số tiền 2.843.000đ, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án và trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ nhựa màu xanh đen, model RM – 1134, lắp sim số 01672039989 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, model TA – 1034 bên trong gắn sim số 01679105617.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc định tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai xác nhận của những

người làm chứng và nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của bị cáo, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ phút ngày 03/11/2017, tại khu vực cây xăng XL, thuộc phường TV, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, Lê Thị N đã có hành vi tàng trữ trái phép 4,9g (*bốn phẩy chín gam*) ma túy loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng thì bị Công an thành phố UB bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Xét về nhân thân, bị cáo là người trưởng thành có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy, biết việc tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do bản thân thiếu ý thức tu dưỡng đạo đức bị cáo vẫn bất chấp thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần phạm tội và bị Tòa án nhân dân các cấp xử phạt tù. Cụ thể: Ngày 04/8/1999, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Tổ chức đánh bạc”; Ngày 07/11/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hai bản án trên đã được xóa án tích. Đối với Bản án Ngày 26/5/2000, bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 02 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt là 12 năm tù do chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo được coi là tái phạm và phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**” quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hình phạt: Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**” từ hai năm đến bảy năm tù. Theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội này là từ một năm đến năm năm tù. Đối chiếu với quy định của hai bộ luật trên thì thấy: Khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt cao hơn khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 về cùng một tội nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét khi quyết định hình phạt theo nguyên tắc có lợi đối với bị cáo. Tại cơ quan điều tra, và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo cần có một hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật

Hình sự năm 1999, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^d (Năm triệu đồng) đến 500.000.000^d (Năm trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe mô tô Yamaha Sirius màu đen biển số 88L1-138.90 Cơ quan điều tra tạm giữ trong quá trình bắt quả tang N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, quá trình điều tra, xác định xe đã bị tẩy xóa số khung, số máy. N khai nguồn gốc của chiếc xe là do N mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực ngã tư phường QY, thị xã QY. Cơ quan điều tra đã tách ra để xử lý sau.

- Đối với 01 (một) phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 718/GĐMT bên trong có chứa 4,81g mẫu vật của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, xét đây là chất Nhà nước cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy; đối với 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (4x6)cm và 40 (bốn mươi) túi nilon màu trắng kích thước (1,5x1,5)cm, xét không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, model TA - 1034 bên trong lắp sim số 01679105617 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ nhựa màu xanh đen, model RM - 1134 lắp sim số 01672039989 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 2.843.000^d (*hai triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn*) thuộc sở hữu của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Bị cáo còn được áp dụng: Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015).

1. Tuyên bố: bị cáo Lê Thị N phạm tội: **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**.

2. Xử phạt: Lê Thị N 54 (năm mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 03/11/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 718/GĐMT bên trong có chứa 4,81g mẫu vật của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (4x6)cm; 40 (bốn mươi) túi nilon màu trắng kích thước (1,5x1,5)cm.

- Trả bị cáo: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, model TA 1034 bên trong lắp sim số 01679105617; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ nhựa màu xanh đen, model RM 1134 lắp sim số 01672039989 và số tiền 2.843.000^d (hai triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng và đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

4. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị N phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phúc Định